

Bản án số: **1091/2018/HNGĐ-PT**

Ngày: 23 - 11 - 2018

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Thẩm phán: Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt
Ông Nguyễn Chí Cao.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Lê Ninh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Tấn Đông – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 10 năm 2018 và ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 74/2018/TLPT-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2018 về việc “Ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 342/2018/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3631/2018/QĐ-PT ngày 16 tháng 8 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 7044/2018/QĐ-PT ngày 06 tháng 9 năm 2018, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5277/2018/QĐ-PT ngày 07 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Duy C, sinh năm 1967
Địa chỉ: Phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Phương T, sinh năm 1955
Địa chỉ: Phường Y, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1967
Địa chỉ: xã P, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Ngô Thị Mỹ A, sinh năm 1967

Địa chỉ: phường Q, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông Nguyễn Duy C và bà Huỳnh Phương T có mặt tại phiên tòa ngày 03/10/2018, vắng mặt ngày 23/11/2018 và có đơn yêu cầu vắng mặt. Ông Nguyễn Văn D và bà Ngô Thị Mỹ A vắng mặt và có đơn yêu cầu vắng mặt)

4. *Người kháng cáo:* Bà Huỳnh Phương T – bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

- Theo đơn khởi kiện ly hôn và các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Duy C trình bày:

Năm 2015 ông và bà Huỳnh Phương T tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Y, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống vợ chồng trong thời gian chung sống không có hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống. Tháng 11/2015 ông C đã nộp đơn khởi kiện ly hôn với bà T. Ngày 17/5/2016 Tòa án Nhân dân Quận M đã mở phiên tòa xét xử vụ án và bác yêu cầu ly hôn của ông đối với bà T. Sau khi bị tòa bác yêu cầu ly hôn thì mâu thuẫn vợ chồng giữa ông và bà T ngày càng trầm trọng, vợ chồng mỗi người sống một nơi không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Do đó, ngày 10/11/2017 ông C lại tiếp tục nộp đơn Khởi kiện ly hôn với bà T. Tại tòa ông C vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với bà T.

Về con chung: ông C và bà T có với nhau một người con chung là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 03/03/2003. Hiện nay, bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng trẻ N. Nay vợ chồng ly hôn bà T sẽ trực tiếp nuôi con. Ông C thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: ông C khai không có.

- Tại bản tự khai ngày 09/03/2018 bị đơn bà Huỳnh Phương T trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2015, bà và ông C tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống ông C có quan hệ với người phụ nữ khác nên ông C muốn ly hôn với bà. Tại tòa bà T không đồng ý ly hôn với ông C. Bà T muốn tiếp tục hàn gắn quan hệ vợ chồng với ông C.

Về con chung: bà T và ông C có với nhau một người con chung là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 03/03/2003. Hiện nay, bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng trẻ N. Nay nếu phải ly hôn với ông C thì bà yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ N. Bà T yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp

dưỡng bắt đầu từ ngày bản án, quyết định của tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 342/2018/HNGĐ-ST ngày 06/6/2018 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Duy C.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Duy C được ly hôn với bà Huỳnh Phương T.

Về con chung: bà Huỳnh Phương T được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Bảo N, sinh ngày 03/03/2003. Ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ N mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trẻ N thành niên.

Ông C được quyền thăm và chăm sóc con chung, vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành chưa thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều khai không có nên Tòa án không giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quy định về việc thi hành án theo quy định pháp luật.

Ngày 14/6/2018, bà Huỳnh Phương T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và nộp kèm theo bản thỏa thuận về việc vay nợ ngày 31/8/2016.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 03/10/2018, bà T trình bày; Bà có ký giấy nợ vay của vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Ngô Thị Mỹ A 10 lượng vàng SJC với lãi suất 3%/năm vào ngày 31/8/2016 để lo cho gia đình và nuôi con do thời gian qua ông C không cấp dưỡng nuôi con. Do bà T và ông C không thống nhất được về việc ly hôn và giải quyết khoản nợ do bà T đưa ra, hai bên có nguyện vọng xin thêm thời gian để hòa giải.

- Tại phiên tòa hôm nay, người kháng cáo là bà Huỳnh Phương T, đồng thời là bị đơn trong vụ án cùng nguyên đơn là ông Nguyễn Duy C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nhưng đã cùng thỏa thuận về việc giải quyết toàn bộ vụ án

được ghi nhận tại Biên bản làm việc ngày 09/11/2018 và yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa thuận của hai bên như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Thời gian qua hai bên không hòa giải được với nhau nên thống nhất thuận tình ly hôn, đề nghị Tòa án công nhận;

+ Về con chung: Thỏa thuận giao con chung là trẻ Nguyễn Bảo N (nữ) sinh ngày 03/03/2003 cho mẹ là bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông C cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/ tháng, bắt đầu thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực đến khi con chung tròn 18 tuổi.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Bà T trình bày: Vào ngày 31/08/2016 bà có vay của ông Nguyễn Văn D và bà Ngô Thị Mỹ A 10 lượng vàng SJC với lãi suất 3%/ năm để lo cho gia đình, nay bà T yêu cầu ông C cùng bà có trách nhiệm trả khoản nợ này cho vợ chồng ông D bà A.

Nay ông C bà T thỏa thuận: Ông C tự nguyện hỗ trợ cho bà T trả nợ chung với số tiền là 200.000.000 đồng (gồm 180.000.000 đồng nợ gốc tương đương 5 cây vàng và 20.000.000 đồng tiền lời) hai bên trực tiếp giao nhận số tiền trên với nhau trong vòng 2 tháng kể từ ngày án có hiệu lực. Bà T chịu trách nhiệm tự giải quyết khoản nợ trên cho ông D bà A, nếu có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

+ Về án phí ly hôn và cấp dưỡng nuôi con ông C chịu theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền như đã thỏa thuận trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

- Bà Ngô Thị Mỹ A và ông Nguyễn Văn D vắng mặt và có bản tự khai, cùng thống nhất ý kiến về việc vợ chồng ông D bà A có cho vợ chồng bà T, ông C vay số vàng là 10 lượng vàng 9999, lãi suất 3%/năm trong thời hạn 5 năm kể từ ngày 31/8/2016 theo giấy nợ ngày 31/8/2016 ký giữa ông D và bà T. Nay ông D bà T ly hôn thì ông D bà A yêu cầu ông C bà T trả nợ. Bà A và ông D cũng đồng ý với nội dung thỏa thuận trên của bà T và ông C và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

Những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật; về hình thức đơn kháng cáo của bà T hợp lệ; Về

nội dung kháng cáo: các đương sự yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận trên của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức:

Đơn kháng cáo của bà Huỳnh Phương T hợp lệ về hình thức, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Bà T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, tuy nhiên ngày 09/11/2018, ông C và bà T đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án như đã nêu trên, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, việc công nhận thỏa thuận của đương sự không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người vắng mặt. Do đó, việc công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, sửa án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm đối với việc hỗ trợ trả nợ chung là 10.000.000 đồng ông C phải chịu.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm nên người kháng cáo là bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 147, Khoản 2 Điều 148, Điều 300, Điều 306, Khoản 2 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Khoản 5 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008, đã sửa đổi bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

* Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo của bà Huỳnh Phương T về mặt hình thức.

* Về nội dung: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Phương T. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 342/2018/HNGĐ-ST ngày 06/6/2018 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Duy C và bà Huỳnh Phương T thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là trẻ Nguyễn Bảo N (nữ), sinh ngày 03/03/2003 cho mẹ là bà Huỳnh Phương T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Duy C cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/ tháng, bắt đầu thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ này, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung:

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Duy C đồng ý hỗ trợ cho bà Huỳnh Phương T trả nợ chung với số tiền là 200.000.000 đồng (gồm 180.000.000 đồng nợ gốc tương đương 5 lượng vàng và 20.000.000 đồng tiền lời). Hai bên trực tiếp giao nhận số tiền trên với nhau trong vòng 2 tháng kể từ ngày án có hiệu lực. Bà T chịu trách nhiệm tự giải quyết khoản nợ ngày 31/8/2016 giữa bà Huỳnh Phương T với ông Nguyễn Văn D và bà Ngô Thị Mỹ A, nếu có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

5. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn 300.000 đồng ông Nguyễn Duy C phải chịu. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng ông C đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0040035 ngày 14/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm đối với việc hỗ trợ trả nợ chung là 10.000.000 đồng ông Nguyễn Duy C phải chịu.

- Án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng bà Huỳnh Phương T phải chịu. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng bà T đã nộp theo Biên lai thu số 0040925 ngày 19/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền như đã thỏa thuận trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

Thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 10;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND Quận 10;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT (T/20).

Phạm Thị Thu Phương